| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN T**<br>TỈNH KIÊN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **60/2024/**DS-ST
Ngày **23/10/2024**
Về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
# TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T , TỈNH KIÊN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Chiến**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà **Nguyễn Thị Việt Tím**

2. Ông **Phạm Văn Động**

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân*** huyện T , tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Trần Đức Tuyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2024/TLST- DS ngày 06 tháng 5 năm 2024 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2024/QĐXXST-DS ngày 05/9/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2024/QĐST-DS ngày 27/9/2024 giữa các đương sự:

**1.** Nguyên đơn: Bà **Trương Thị Bích L** - sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: số 185, khu phố Đ , thị trấn T , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

**2**. Bị đơn: Bà **Trần Thị Bích N** - sinh năm 1983

Địa chỉ: khu phố Đ , thị trấn T , huyện T , Kiên Giang

(vắng mặt lần 2 không lý do)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 19/4/2024 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trương Thị Bích L trình bày:***

Ngày 20/5/2023 bà L có cho bà Trần Thị Bích N vay số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), lãi suất 2%/tháng, khi cho vay hai bên có làm biên nhận nợ do bà N viết và ký tên, việc vay tiền trên chỉ do tín chấp tin tưởng nhau. Trong biên nhận không có nói ngày trả, nhưng hai bên thoả thuận miệng khi nào bà L cần lại số tiền gốc thì thông báo trước 01 tháng thì bà N sẽ trả tiền lại cho bà L .

Từ khi vay cho đến nay bà N không trả vốn và tiền lãi cho bà L , bà L đã nhiều lần yêu cầu bà N thanh toán số tiền trên, nhưng bà N cố tình lánh mặt và không nghe điện thoại khi bà L liên lạc.

**Tại phiên tòa bà L yêu cầu:** Bà L yêu cầu Tòa án xử buộc bà Trần Thị Bích N phải trả cho bà Trương Thị Bích L số tiền gốc là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng); bà L yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 20/5/2023 cho đến khi xét xử xong.

* Bà Trần Thị Bích N đã được Tòa án triệu tập nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên bà Trần Thị Bích N không có bản tự khai và lời trình bày tại Tòa án.

***Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:***

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng hợp lệ.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Bích Liên, đề nghị buộc bà Trần Thị Bích N trả cho bà L số tiền vay gốc là 300.000.000đ, lãi suất 20%/năm trên số tiền gốc 300.000.000đ, tính từ ngày 20/5/2023 đến ngày xét xử.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Trần Thị Bích N có địa chỉ cư trú tại khu phố Đ , thị trấn T , huyện T , tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T .

Bị đơn bà Trần Thị Bích N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà Trần Thị Bích N .

[2] Về quan hệ tranh chấp: Xét thấy, theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Trương Thị Bích L yêu cầu bị đơn bà Trần Thị Bích N trả số tiền vay vốn gốc là

300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) đây là quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[3] Xét thấy, bà Trần Thị Bích N chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện của bà L tại Tòa án. Tuy nhiên, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ, nhưng bà Trần Thị Bích N vắng mặt không đến Tòa án.

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự: "Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó" nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà N không có sự phản đối nào đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sợ vụ án để xem xét giải quyết.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Bích L, yêu cầu bà Trần Thị Bích N trả số tiền vay vốn gốc 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) là có cơ sở chấp nhận. Vào ngày 20/5/2023 bà Trương Thị Bích L có cho bà Trần Thị Bích N vay số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), hai bên có làm biên nhận, bà N tự viết biên nhận nợ và ký tên, trong biên nhận nợ có ghi lãi suất là 2%/tháng. Từ đó cho thấy việc giao dịch vay tiền giữa bà Trương Thị Bích L và bà Trần Thị Bích N là có thật. Do đó, đây là tình tiết, sự kiện có thật, không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử xét thấy việc bà L và bà N thỏa thuận vay tiền là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp theo quy định pháp luật nên được công nhận. Do bà N vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận, nên bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ Điều 463; 466; 470 của Bộ luật dân sự quy định về hợp đồng vay tài sản và nghĩa vụ trả nợ của bên vay, bà N đã nhận tài sản vay thì phải có nghĩa vụ trả tiền cho bên cho vay khi đến hạn. Do đó, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Bích L, buộc bị đơn bà Trần Thị Bích N phải trả số tiền nợ vay gốc là 300.000.000đồng (Ba trăm triệu đồng) cho bà Trương Thị Bích Liên, và tiền lãi theo quy định pháp luật, được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%/năm. Số tiền gốc 300.000.000đ, tính lãi từ ngày 20/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 22/10/2024 là 17 tháng 02 ngày, được tính như sau: 300.000.000đ x 1,66% x 17 tháng 02 ngày = 84.992.000đ (Tám mươi bốn triệu chín trăm chín mươi hai nghìn đồng). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 384.992.000đ (Ba trăm tám mươi bốn triệu chín trăm chín mươi hai nghìn đồng).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà Trần Thị Bích N phải chịu án phí trên số tiền trả cho bà L được tính như sau: 384.992.000 đồng x 5% = 19.249.600 đồng (Mười chín triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm đồng).

Hoàn trả lại cho bà Trương Thị Bích L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.500.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0002612 ngày 23/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T , tỉnh Kiên Giang, do yêu cầu khởi kiện của bà L được Tòa án chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 463; 466; khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Bích L về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bị đơn bà Trần Thị Bích N .

**2.** Buộc bà Trần Thị Bích N trả cho bà Trương Thị Bích L số tiền vay vốn gốc và lãi là 384.992.000đ (Ba trăm tám mươi bốn triệu chín trăm chín mươi hai nghìn đồng). Trong đó tiền gốc là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), và tiền lãi là 84.992.000đ (Tám mươi bốn triệu chín trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

**3.** Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc bà Trần Thị Bích N nộp số tiền 19.249.600 đồng (Mười chín triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm đồng).

Hoàn trả lại cho bà Trương Thị Bích L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án

phí, lệ phí số 0002612 ngày 23/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T , tỉnh Kiên Giang.

**4.** Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bà Trần Thị Bích N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện T ;*
- *Chi cục THA huyện T ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Chiến**